

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 2 NĂM 2021**

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh và đào tạo năm học 2021-2022, Trường Đại học Y tế công cộng thông báo tuyển sinh Đại học hình thức vừa làm vừa học năm 2021 các chương trình như sau:

- \* Cử nhân Y tế công cộng hình thức vừa làm vừa học
- \* Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học hình thức vừa làm vừa học
- \* Cử nhân Dinh dưỡng hình thức vừa làm vừa học

**I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH**

Thí sinh có đủ các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương;
- Đủ điều kiện thỏa mãn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tuỳ tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học, Hiệu trưởng trường Đại học Y tế công cộng sẽ xem xét, quyết định;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và các loại lệ phí tuyển sinh theo qui định.

**II. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO**

**2.1. Cử nhân Y tế công cộng**

- Hình thức đào tạo : Vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ
- Ngành đào tạo : Y tế công cộng (mã ngành: 7720701)
- Thời gian đào tạo : Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (kết quả học tập của người học đã tích luỹ từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác sẽ được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học. Đối với người học được miễn trừ khỏi lượng tín chỉ tích luỹ, nhà trường sẽ sắp xếp để thời gian hoàn thành khoá học rút ngắn phù hợp với thời lượng được miễn giảm và kế hoạch đào tạo chung của trường).

## **2.2. Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học**

- Hình thức đào tạo : Vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ
- Ngành : Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (mã ngành: 7720601)
- Thời gian đào tạo : Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (kết quả học tập của người học đã tích luỹ từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác sẽ được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học. Đối với người học được miễn trừ khỏi lượng tín chỉ tích luỹ, nhà trường sẽ sắp xếp để thời gian hoàn thành khoá học rút ngắn phù hợp với thời lượng được miễn giảm và kế hoạch đào tạo chung của trường).

## **2.3. Cử nhân Dinh Dưỡng**

- Hình thức đào tạo : Vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ
- Ngành đào tạo : Dinh dưỡng (mã ngành: 7720401)
- Thời gian đào tạo : Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (kết quả học tập của người học đã tích luỹ từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác sẽ được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học. Đối với người học được miễn trừ khỏi lượng tín chỉ tích luỹ, nhà trường sẽ sắp xếp để thời gian hoàn thành khoá học rút ngắn phù hợp với thời lượng được miễn giảm và kế hoạch đào tạo chung của trường).

## **III. CHÍNH SÁCH UU TIÊN**

Áp dụng theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, CHỈ TIÊU VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN**

- Nguồn đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Đối với các ngành Y tế công cộng, Dinh Dưỡng, Công tác xã hội: điểm xét tuyển từ 15 điểm trở lên. Điểm xét tuyển được tính là tổng điểm trung bình 5 học kỳ (học kỳ 1 và lớp 10, học kỳ 1 và 2 lớp 11 và học kỳ I lớp 12) của từng môn trong tổ hợp xét tuyển.

+ Đối với ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học: phải có học lực lớp 12 từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ)

- Chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển:

| TT | Ngành học                 | Mã ngành | Chi tiêu | Tổ hợp xét tuyển   | Tiêu chí xét tuyển   |
|----|---------------------------|----------|----------|--|--|
| 1  | Y tế công cộng            | 7720701  | 50       | B00: <b>Toán</b> – Hóa học – Sinh học<br>B08: <b>Toán</b> – Sinh học – Tiếng Anh<br>D01: <b>Toán</b> – Ngữ Văn – Tiếng Anh<br>D13: <b>Ngữ Văn</b> – Sinh học – Tiếng Anh | Điểm xét tuyển = Điểm TB Môn 1 + Điểm TB Môn 2 + Điểm TB Môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)<br><br>Trong đó:<br>- Điểm TB môn là điểm trung bình của các môn trong tổ hợp xét tuyển trong 5 học kỳ (hai học kỳ của lớp 10 và 11 và học kỳ I lớp 12).<br>- Điểm ưu tiên là điểm cộng theo đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| 2  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 7720601  | 50       | B00: <b>Toán</b> – Hóa học – Sinh học<br>B08: <b>Toán</b> – Sinh học – Tiếng Anh<br>A01: <b>Toán</b> – Vật Lý – Tiếng Anh<br>D07: <b>Toán</b> – Hóa học – Tiếng Anh      | - Trong trường hợp có số lượng thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, sẽ xét đến tiêu chí sau:<br>+ Điểm trung bình (sử dụng xét tuyển) của MÔN CHÍNH trong tổ hợp đăng ký xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.<br><br><i>*Môn in đậm là MÔN CHÍNH trong tổ hợp</i>               |
| 3  | Dinh dưỡng                | 7720401  | 10       | B00: <b>Toán</b> – Hóa học – Sinh học<br>B08: <b>Toán</b> – Sinh học – Tiếng Anh<br>D01: <b>Toán</b> – Ngữ Văn – Tiếng Anh<br>D07: <b>Toán</b> – Hóa học – Tiếng Anh     |  |

## V. HỒ SƠ XÉT TUYỂN

### 5.1. Hồ sơ Tuyển sinh

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

**5.1.1. Phiếu đăng ký xét tuyển đại học** (theo mẫu được gửi kèm theo thông báo và đăng tải tại trang thông tin điện tử về tuyển sinh của Trường).

#### 5.1.2. Bản sao công chứng các giấy tờ có liên quan tới quá trình học tập:

- Bằng tốt nghiệp THPT và giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (nếu có). Với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì thay bằng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;

- Học bạ kết quả học tập THPT hoặc tương đương (có đầy đủ thông tin kết quả học tập của lớp 10, 11, 12).

- Bằng tốt nghiệp và bảng điểm của các bậc học trên THPT (nếu có) (làm căn cứ để xét công nhận khối lượng kiến thức đã tích luỹ sau khi trúng tuyển và rút ngắn thời gian học tập)

**5.1.3. Bản sao công chứng giấy khai sinh;**

**5.1.4. Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập do đơn vị y tế từ tuyển huyễn trở lên cấp;**

**5.1.5. Giấy xác nhận thâm niên công tác nếu có;**

**5.1.6. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên nếu có;**

**5.1.7. 03 ảnh 3 x 4 cm** (Chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời gian thi. Ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh phía sau ảnh);

**5.1.8. 02 phong bì có dán tem thư** và ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại người nhận (nếu người nhận không phải là thí sinh thì phải đề thêm tên của thí sinh).

**Lưu ý:**

- Khi trúng tuyển học viên phải xuất trình các văn bản gốc, các tài liệu có liên quan;

- Học viên trong thời gian học tập được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

**5.2. Thời gian nộp hồ sơ**

- Từ ngày ra thông báo đến 17h ngày 15/11/2021.

**5.3. Thời gian công bố trúng tuyển**

- Dự kiến 30/11/2021.

**5.4. Lệ phí xét tuyển**

- Lệ phí: 300.000đ/hồ sơ

\* **Ghi chú:** Các khoản lệ phí được nộp tại phòng Tài chính – Kế toán (phòng A206 – nhà A, trường Đại học Y tế công cộng). Hoặc chuyển khoản theo thông tin: Trường Đại học Y tế công cộng, Số tài khoản: 114 00000 3921, tại: Ngân hàng công thương Đồng Đa. Nội dung chuyển khoản: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMND/CCCD, Đóng lệ phí xét tuyển VLTH năm 2021.

**VI. ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ**

Nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Y tế công cộng, 1A Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 024.62 66 23 42.

**VII. HỌC PHÍ**

Học phí của các chương trình đào tạo tuân thủ theo qui định của Nhà nước

và Bộ Giáo dục và Đào tạo, chi tiết xin liên hệ với phòng Quản lý Đào tạo.

*Nơi nhận:*

- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Phòng QLKH&HTPT (để đăng thông tin trên web);
- Lưu: VT,QLĐT.



**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2021**  
CHUYÊN NGÀNH.....

1. Số phiếu (Dành cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ, thí sinh không ghi mục này) VLVH.....

2. Trường đăng ký xét tuyển: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG Mã trường:  Y  T  C

Thí sinh ghi mã ngành, mã tổ hợp các môn theo thứ tự các môn học trong tổ hợp xét tuyển. Gạch chéo với các ô trống.

| Ngành ĐKXT | Mã ngành | Tổ hợp ĐKXT | Điểm ưu tiên<br>Đối tượng | Điểm ưu tiên<br>Khu vực | Tổng điểm<br>xét tuyển |
|------------|----------|-------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|
|            |          |             |                           |                         |                        |

Thí sinh ghi rõ điểm trung bình môn học theo tổ hợp xét tuyển của từng học kỳ. Gạch chéo với các ô trống

| STT | Tên môn học       | TBM<br>học kỳ<br>1 lớp 10 | TBM<br>học kỳ<br>2 lớp 10 | TBM<br>học kỳ 1<br>lớp 11 | TBM<br>học kỳ 2<br>lớp 11 | TBM<br>học kỳ 1<br>lớp 12 | Điểm TBM<br>5 học kỳ |
|-----|-------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|
| 1.  | Toán              |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 2.  | Vật lý            |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 3.  | Hóa học           |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 4.  | Sinh học          |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 5.  | Ngữ Văn           |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 6.  | Lịch sử           |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 7.  | Địa lý            |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 8.  | Tiếng Anh         |                           |                           |                           |                           |                           |                      |
| 9.  | Giáo dục công dân |                           |                           |                           |                           |                           |                      |

Học lực lớp 12:..... Hạnh kiểm lớp 12..... Điểm xét tốt nghiệp THPT:.....

3. Họ và tên thí sinh (chữ in hoa có dấu): ..... Giới tính: .....

4. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh (Nếu ngày, tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô dấu)   Ngày   Tháng   Năm

5. Nơi sinh: ..... 6. Dân tộc (Ghi bằng chữ): .....

7. Thuộc đối tượng ưu tiên nào khoanh tròn vào ký hiệu của đối tượng đó: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07.

8. Hộ khẩu thường trú (Số nhà, đường, thôn/xóm, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): .....

..... Xã/phường..... Huyện/Quận..... Thành phố/Tỉnh Thành phố..... Mã tỉnh Mã huyện

9. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10: .....

Năm lớp 11: .....

Năm lớp 12: .....

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mã tỉnh Mã trường

10. Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1 , KV2-NT , KV2 , KV3

11. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (ghi dù 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)

12. Số CMND/ Thẻ căn cước: (Nếu CMND 9 số thì điền vào 9 ô đầu, gạch 3 ô cuối)

13. Địa chỉ gửi giấy báo kết quả xét tuyển: .....

.....

14. Số điện thoại (bắt buộc): ..... Email (bắt buộc): .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong phiếu ĐKXT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày ..... tháng ..... năm 2021

Chữ ký của thí sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ành

**HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THÚC VỪA LÀM VỪA HỌC  
NĂM 2021**

**1. Danh sách mã ngành xét tuyển kết quả học tập cấp THPT**  
(*Môn in đậm là MÔN CHÍNH trong tổ hợp*)

| Stt | Mã ngành | Ngành học                 | Tổ hợp môn xét tuyển 1                     | Tổ hợp môn xét tuyển 2                       | Tổ hợp môn xét tuyển 3                      | Tổ hợp môn xét tuyển 4                          |
|-----|----------|---------------------------|--|--|---|---|
| 1   | 7720701  | Y tế công cộng            | B00:<br><b>Toán</b><br>Hóa học<br>Sinh học | B08:<br><b>Toán</b><br>Sinh học<br>Tiếng Anh | D01:<br>Toán<br><b>Ngữ văn</b><br>Tiếng Anh | D13:<br><b>Ngữ văn</b><br>Sinh học<br>Tiếng Anh |
| 2   | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | B00:<br><b>Toán</b><br>Hóa học<br>Sinh học | B08:<br><b>Toán</b><br>Sinh học<br>Tiếng Anh | A01:<br>Toán<br>Vật lý<br>Tiếng Anh         | D07:<br><b>Toán</b><br>Hóa học<br>Tiếng Anh     |
| 3   | 7720401  | Dinh dưỡng                | B00:<br><b>Toán</b><br>Hóa học<br>Sinh học | B08:<br><b>Toán</b><br>Sinh học<br>Tiếng Anh | D01:<br>Toán<br>Ngữ văn<br>Tiếng Anh        | D07:<br><b>Toán</b><br>Hóa học<br>Tiếng Anh     |

**2. Điều kiện xét tuyển**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành Y tế công cộng, Dinh Dưỡng, Công tác xã hội: xét điểm trung bình của các môn trong tổ hợp xét tuyển trong 5 học kỳ (lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12). Tổng điểm xét tuyển phải từ 15 điểm trở lên.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học phải có học lực lớp 12 xếp từ loại khá trở lên hoặc điểm xét TN THPT từ 6,5 trở lên.

**3. Điểm xét tuyển được tính theo công thức:**

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Môn 1 TB} + \text{Môn 2 TB} + \text{Môn 3 TB} + \text{Điểm ưu tiên}$$

Ví dụ tổ hợp A00: Toán, Lý, Hóa (ghi đúng tên môn trong bảng tổ hợp xét tuyển)

| Môn học | Kỳ 1<br>lớp 10 | Kỳ 2<br>lớp 10 | Kỳ 1<br>lớp 11 | Kỳ 2<br>lớp 11 | Kỳ 1<br>lớp 12 | Điểm xét tuyển của 5 kỳ                   |
|---------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---|
| Toán    | 8.3            | 7.9            | 8.6            | 8.2            | 8.5            | $(8.3 + 7.9 + 8.6 + 8.2 + 8.5) / 5 = 8.3$ |
| Lý      | 6.6            | 7.4            | 8.4            | 8.1            | 7.5            | $(6.6 + 7.4 + 8.4 + 8.1 + 7.5) / 5 = 7.6$ |
| Hóa     | 8.8            | 8.5            | 8.4            | 8.7            | 8.6            | $(8.8 + 8.5 + 8.4 + 8.7 + 8.6) / 5 = 8.6$ |

Điểm xét tuyển =  $8.3 + 7.6 + 8.6 = 24.5$  + điểm ưu tiên (nếu có)

\* Trong trường hợp có số lượng thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, sẽ xét đến tiêu chí sau:

Điểm trung bình (sử dụng xét tuyển) của MÔN CHÍNH trong tổ hợp đăng ký xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

**4. Hồ sơ xét tuyển**

**4.1. Hồ sơ Tuyển sinh**

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

**4.1.1. Phiếu đăng ký xét tuyển đại học** (theo mẫu được gửi kèm theo thông báo và đăng tải tại trang thông tin điện tử về tuyển sinh của Trường).

**4.1.2. Bản sao công chứng các giấy tờ có liên quan tới quá trình học tập:**

- Bằng tốt nghiệp THPT và giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (nếu có). Với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì thay bằng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;

- Học bạ kết quả học tập THPT hoặc tương đương (có đầy đủ thông tin kết quả học tập của lớp 10, 11, 12).

- Bằng tốt nghiệp và bảng điểm của các bậc học trên THPT (nếu có) (làm căn cứ để xét công nhận khối lượng kiến thức đã tích lũy sau khi trúng tuyển)

**4.1.3. Bản sao công chứng giấy khai sinh;**

**4.1.4. Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập do đơn vị y tế từ tuyển huyện trở lên cấp;**

**4.1.5. Giấy xác nhận thân nhân công tác nếu có;**

**4.1.6. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đổi tượng ưu tiên nếu có;**

**4.1.7. 03 ảnh 3 x 4 cm** (Chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời gian thi. Ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh phía sau ảnh);

**4.1.8. 02 phong bì có dán tem thư** và ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại người nhận (nếu người nhận không phải là thí sinh thì phải đề thêm tên của thí sinh).

## **5. Hình thức nộp hồ sơ và lệ phí**

- Thí sinh nộp hồ sơ theo 1 trong 2 hình thức:

+ Nộp hồ sơ qua bưu điện

+ Nộp hồ sơ trực tiếp

- Thời gian nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày trong tuần: Từ ngày ra thông báo đến 17h ngày 15/11/2021.

- Địa điểm nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Y tế công cộng, 1A Đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Điện thoại: 024 6266 2342

- Lệ phí xét tuyển: 300.000đ/hồ sơ;

- Thí sinh nộp lệ phí trực tiếp hoặc chuyển khoản theo thông tin: Trường Đại học Y tế công cộng, Số TK: 114 00000 3921, tại: Ngân hàng công thương Đồng Đa. Nội dung thông tin chuyển khoản:

**Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMND đóng LPXTĐHVLVH2021 (đóng lệ phí xét tuyển đại học VLHV năm 2021).**

*Để biết thông tin chi tiết về ngành đào tạo, phương thức xét tuyển để nghị tham khảo tại trang website của nhà trường hoặc gọi điện trực tiếp về bộ phận tư vấn tuyển sinh để được trợ giúp:*

**Website:** <http://tuyensinh.huph.edu.vn/>

**Facebook:** <https://www.facebook.com/truongdaihoccongconghuph>

**Điện thoại tư vấn:** 024.62662342      **Email:** [qldt@huph.edu.vn](mailto:qldt@huph.edu.vn)